

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B01 – CTQ)	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B02 – CTQ)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B03 – CTQ)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng (Mẫu số B05 – CTQ)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B09 – CTQ)	11 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép thành lập và hoạt động thay đổi gần nhất số 66/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 22 tháng 8 năm 2023.	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 4103005793 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) số 0304756863 được cấp ngày 13 tháng 10 năm 2022.	
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thanh Thảo Ông Phạm Hồng Hải Ông Ngô Nhật Minh Ông Trần Vinh Quang Ông Johnathan Charles Eames	Chủ tịch Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023) Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023) Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023) Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023)
Ban kiểm toán nội bộ	Bà Đỗ Minh Hằng Ông Nguyễn Cường	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023) Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023)
Người đại diện theo pháp luật	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc	Ông Trần Vinh Quang	
Hoạt động chính	Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam; tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.	
Trụ sở chính	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính riêng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Ông Tô Quốc Tuấn - Giám đốc Tài chính và Kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Công ty mẹ) để phê chuẩn và ký báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Thư Ủy quyền ngày 19 tháng 7 năm 2023.

Phê chuẩn báo cáo tài chính riêng

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 36. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con.




Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính và Kế toán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Công ty mẹ)
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Người đại diện theo pháp luật của Công ty phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán độc lập của họ đề ngày 29 tháng 3 năm 2023 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Đào Trọng Hoàng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5620-2021-006-1

Số hiệu báo cáo: HCM14912
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		82.690.742.853	87.538.557.580
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	4.369.565.262	6.182.589.914
111	Tiền		4.369.565.262	2.182.589.914
112	Các khoản tương đương tiền		-	4.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		60.861.833.807	70.133.081.320
121	Đầu tư ngắn hạn	5.2(a)	60.861.833.807	70.546.781.320
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.2(a)	-	(413.700.000)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		17.415.363.854	11.144.681.114
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		91.565.196	31.927.500
134	Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	5.3	17.320.798.658	11.109.074.162
135	Phải thu ngắn hạn khác		3.000.000	3.679.452
150	Tài sản ngắn hạn khác		43.979.930	78.205.232
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		43.979.930	78.205.232
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		182.902.131.112	166.176.979.183
220	Tài sản cố định		1.904.495.240	42.548.912
221	Tài sản cố định hữu hình	5.4(a)	1.177.811.907	42.548.912
222	Nguyên giá		1.266.307.000	64.357.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(88.495.093)	(21.808.088)
227	Tài sản cố định vô hình	5.4(b)	726.683.333	-
228	Nguyên giá		739.000.000	-
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(12.316.667)	-
250	Đầu tư tài chính dài hạn		180.775.000.000	165.872.850.000
251	Đầu tư vào công ty con	5.2(b)	180.775.000.000	164.800.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác		-	1.072.850.000
260	Tài sản dài hạn khác		222.635.872	261.580.271
261	Chi phí trả trước dài hạn		173.327.475	228.433.544
268	Tài sản dài hạn khác		49.308.397	33.146.727
270	TỔNG TÀI SẢN		265.592.873.965	253.715.536.763

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		10.938.097.507	9.360.036.803
310	Nợ ngắn hạn		10.938.097.507	9.360.036.803
312	Phải trả người bán ngắn hạn		-	9.000.000
313	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	858.280.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.5	3.110.225.374	2.736.589.610
315	Phải trả người lao động	5.6	2.086.704.940	-
316	Chi phí phải trả ngắn hạn		70.000.000	85.000.000
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.671.167.193	5.671.167.193
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		254.654.776.458	244.355.499.960
410	Vốn chủ sở hữu		254.654.776.458	244.355.499.960
411	Vốn góp của chủ sở hữu	5.7, 5.8	125.000.000.000	125.000.000.000
418	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5.8	1.755.891.311	1.755.891.311
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.8	1.755.891.311	1.755.891.311
420	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	5.8	126.142.993.836	115.843.717.338
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		115.843.717.338	95.812.684.889
420b	- LNST chưa phân phối của năm nay		10.299.276.498	20.031.032.449
440	TỔNG NGUỒN VỐN		265.592.873.965	253.715.536.763

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND (Trình bày lại)
006	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ			
	Trong đó			
007	Chứng khoán giao dịch	5.2	33.325.000.000	33.810.000.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác			
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		209.894.161.465	200.628.755.272
032	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		2.765.400	3.936.463
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác			
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.9(a)(i)	8.599.426.799.645	6.780.846.832.004
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	5.9(a)(ii)	2.397.851.435	2.996.214.035
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	5.9(b)	406.502.728.134	234.616.445.441
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	5.9(c)	22.320.254.420	18.128.063.216



Đặng Trần Duy Khanh
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng




Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính và Kế toán
(Công ty mẹ)
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
01	Doanh thu về hoạt động kinh doanh		33.699.880.677	28.468.927.836
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	5.10	33.699.880.677	28.468.927.836
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.11	(19.610.400.867)	(11.856.162.376)
20	Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh		14.089.479.810	16.612.765.460
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.12	1.620.304.779	12.712.597.502
22	Chi phí tài chính	5.13	413.700.000	(1.383.634.317)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.14	(3.252.192.140)	(2.897.956.392)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.871.292.449	25.043.772.253
31	Thu nhập khác		17.803.174	-
32	Chi phí khác		-	(6.691)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác		17.803.174	(6.691)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.889.095.623	25.043.765.562
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") - hiện hành	5.15	(2.589.819.125)	(5.012.733.113)
52	Chi phí thuế TNDN - hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.299.276.498	20.031.032.449



Đặng Trần Duy Khanh
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính và Kế toán
(Công ty mẹ)
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		12.889.095.623	25.043.765.562
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		79.003.672	18.220.625
03	(Hoàn nhập)/dự phòng	5.13	(413.700.000)	413.700.000
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.620.304.779)	(11.742.663.185)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		10.934.094.516	13.733.023.002
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(6.286.844.410)	89.808.714.111
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		2.970.974.691	(6.827.038.293)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		89.331.371	(117.575.747)
14	Thuế TNDN đã nộp	5.5	(3.982.733.112)	(23.094.250.593)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.724.823.056	73.502.872.480
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(1.940.950.000)	(33.560.000)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.463.287.671)	(20.685.000.000)
24	Tiền thu hồi bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		41.148.287.671	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(38.525.000.000)	(151.933.487.200)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.622.797.513	70.929.122.049
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.620.304.779	12.630.297.229
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.537.847.708)	(89.092.627.922)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.813.024.652)	(15.589.755.442)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	5.1	6.182.589.914	21.772.345.356
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5.1	4.369.565.262	6.182.589.914



Đặng Trần Duy Khanh
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính và Kế toán
(Công ty mẹ)
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B05 – CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2023	
		1.1.2022	1.1.2023	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.7,	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5.8	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.8	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
Lợi nhuận chưa phân phối	5.8	100.855.457.778	115.843.717.338	20.031.032.449 (5.042.772.889)	-	10.299.276.498	126.142.993.836
		229.367.240.400	244.355.499.960	20.031.032.449 (5.042.772.889)	-	10.299.276.498	254.654.776.458



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Đặng Trần Duy Khanh
Người lập

Giám đốc Tài chính và Kế toán
(Công ty mẹ)
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) (tên trước đây là “Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc”), là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 66/GPĐC-UBCK cấp ngày 22 tháng 8 năm 2023. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 4103005793 vào ngày 26 tháng 12 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) để đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0304756863 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (“TVS”). Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 5.7.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư và ủy thác đầu tư.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 14 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 15 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

Tại ngày báo cáo, Công ty có 1 công ty con trực tiếp như sau.

STT	Tên	Địa điểm	Hoạt động chính	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần Finsight	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ tài chính, dịch vụ công nghệ thông tin, nghiên cứu thị trường	91,37	91,37	91,37	91,37

Tại ngày báo cáo, Công ty có 1 bên liên quan là công ty con gián tiếp như sau.

STT	Tên	Địa điểm	Hoạt động chính	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
				Tỷ lệ sở hữu của TVAM %	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Finsight %	Tỷ lệ sở hữu của TVAM %	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Finsight %
1	Công ty Cổ phần Camellia Wealth	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ tư vấn quản lý	35,50	49,00	-	-

Tại ngày báo cáo, Công ty đang quản lý các quỹ đầu tư sau:

Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký	Vốn điều lệ VND	Giá trị tài sản ròng tại	
			ngày 31.12.2023 VND	ngày 31.12.2022 VND
Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	01/2021/GCNCCQ-VSD cấp ngày 17 tháng 9 năm 2021	199.008.000.000	240.727.139.205	182.410.337.183
Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 4	01/2022/GCNCCQ-VSD cấp ngày 28 tháng 7 năm 2022	200.600.000.000	238.765.882.067	188.349.498.307
Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 5	01/2023/GCNCCQ-VSD cấp ngày 5 tháng 12 năm 2023	172.800.000.000	184.879.242.879	Quỹ chưa thành lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam (“Đồng” hoặc “VND”).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con.

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư có kỳ đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác gửi tại ngân hàng thanh toán trên cơ sở hợp đồng ủy thác đầu tư được ký kết giữa nhà đầu tư ủy thác và Công ty quản lý Quỹ để Công ty quản lý Quỹ thực hiện đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư ngắn hạn**

Chứng khoán kinh doanh do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Người đại diện theo pháp luật thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Người đại diện theo pháp luật thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; các khoản phải thu các quỹ đầu tư và nhà đầu tư phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của một công ty quản lý quỹ và các khoản phải thu khác không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ và các hoạt động nghiệp vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

4.4 TSCĐ

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm	5 năm
Thiết bị quản lý	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.5 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

4.7 Nợ phải trả

Các khoản phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

4.8 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

4.9 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

4.11 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của năm tài chính mà cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty quản lý quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, công ty quản lý quỹ phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN cho mỗi quỹ vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST TNDN của Công ty được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng cho công tác khen thưởng, khuyến khích, cải thiện và nâng cao phúc lợi cho nhân viên của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.12 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác**

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ bao gồm doanh thu phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, thu phí thường hoạt động do quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và các nhà đầu tư thường cho Công ty, bao gồm:

- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: là khoản thu phí mà Công ty được hưởng từ hoạt động quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của mỗi quỹ vào ngày cuối tháng.
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục: là khoản phí mà Công ty được hưởng từ việc quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác, được tính theo quy định của hợp đồng dịch vụ.
- Doanh thu từ phí phát hành: là khoản thu về phí mà Công ty được hưởng từ các giao dịch phát hành chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, được tính dựa trên giá trị giao dịch phát hành chứng chỉ quỹ.
- Doanh thu từ phí thường hoạt động: là khoản tiền thưởng mà Công ty được hưởng khi tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý tăng cao hơn so với một tỷ lệ tham chiếu được nhà đầu tư chấp thuận.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thu nhập lãi được xác định tương đối chắc chắn và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

(c) Thu nhập từ cổ tức/lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức/lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức/lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Chi phí hoạt động kinh doanh là các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động nghiệp vụ của Công ty, chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

4.16 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.18 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Người đại diện theo pháp luật phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng và được Người đại diện theo pháp luật đánh giá là hợp lý.

4.19 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên báo cáo tài chính riêng này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC
TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2023	2022
	VND	VND
Tiền mặt	20.936.980	49.357.179
Tiền gửi ngân hàng	4.348.628.282	2.133.232.735
Các khoản tương đương tiền (*)	-	4.000.000.000
	<u>4.369.565.262</u>	<u>6.182.589.914</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ đáo hạn ban đầu dưới 1 tháng và hưởng lãi suất 5,00%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư ngắn hạn

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phần công ty				
Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	27.536.833.807	(*)	36.736.781.320	(*)
Chứng chỉ quỹ				
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3 (**)	13.125.000.000	18.125.000.000	13.125.000.000	21.000.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 5 (**)	20.200.000.000	22.000.000.000	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup - VIC121004 (***)	-	-	20.685.000.000	20.271.300.000
	<u>60.861.833.807</u>		<u>70.546.781.320</u>	<u>(413.700.000)</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.

(**) Giá trị hợp lý của chứng chỉ quỹ niêm yết được xác định dựa trên giá đóng cửa của chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

(***) Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá đóng cửa của trái phiếu trên sàn giao dịch trái phiếu tại ngày giao dịch gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Công ty Cổ phần Finsight (**)	164.800.000.000	-	164.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Camellia Wealth (***)	15.975.000.000	-	-	-
	<u>180.775.000.000</u>	<u>-</u>	<u>164.800.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.

(**) Đây là khoản đầu tư vào 91,37% phần vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Finsight, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316449345 thay đổi gần nhất (lần thứ 3) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 3 năm 2023.

(***) Đây là khoản đầu tư vào 35,5% phần vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Camellia Wealth, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317657066 thay đổi gần nhất (lần thứ 1) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 7 năm 2023. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Finsight (công ty con trực tiếp) đầu tư với tỷ lệ 49,0% phần vốn chủ sở hữu Công ty Cổ phần Camellia Wealth. Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con này thông qua quyền sở hữu Công ty Cổ phần Finsight.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC
TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

5.3 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	2023 VND	2022 VND
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục		
- Bên thứ ba	9.798.004.321	11.109.074.162
- Bên liên quan (Thuyết minh 7(b))	7.522.794.337	-
	<u>17.320.798.658</u>	<u>11.109.074.162</u>

5.4 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	64.357.000	64.357.000
Mua trong năm	1.201.950.000	-	1.201.950.000
	<u>1.201.950.000</u>	<u>64.357.000</u>	<u>1.266.307.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.201.950.000	64.357.000	1.266.307.000
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	21.808.088	21.808.088
Khấu hao trong năm	45.234.677	21.452.328	66.687.005
	<u>45.234.677</u>	<u>43.260.416</u>	<u>88.495.093</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	45.234.677	43.260.416	88.495.093
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	42.548.912	42.548.912
	<u>1.156.715.323</u>	<u>21.096.584</u>	<u>1.177.811.907</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.156.715.323	21.096.584	1.177.811.907

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC
TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

5.4 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-
Mua trong năm	739.000.000
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	739.000.000
	<hr/>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-
Khấu hao trong năm	12.316.667
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	12.316.667
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-
	<hr/> <hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	726.683.333
	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng.

5.5 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Thuế TNDN	2.312.733.114	2.589.819.125	(3.982.733.112)	919.819.127
Thuế thu nhập cá nhân	423.856.496	3.553.302.347	(1.786.752.596)	2.190.406.247
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	2.736.589.610	6.146.121.472	(5.772.485.708)	3.110.225.374
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC
TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

5.6 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm tiền lương và lương kinh doanh phải trả cho người lao động.

5.7 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	Tại ngày	
	31.12.2023 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2022 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	12.500.000	12.500.000

(b) Chi tiết và tình hình biến động của vốn cổ phần

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Tất cả các cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông, đều có các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác.

Chi tiết cổ đông và tỷ lệ sở hữu tại ngày cuối năm như sau:

	31.12.2023			31.12.2022		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	12.480.000	99,84	124.800.000.000	12.480.000	99,84	124.800.000.000
Nguyễn Thanh Thảo	10.000	0,08	100.000.000	-	-	-
Trần Vinh Quang	-	-	-	10.000	0,08	100.000.000
Lê Quang Tiến	10.000	0,08	100.000.000	10.000	0,08	100.000.000
	<u>12.500.000</u>	<u>100,00</u>	<u>125.000.000.000</u>	<u>12.500.000</u>	<u>100,00</u>	<u>125.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

5.8 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	100.855.457.778	229.367.240.400
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.031.032.449	20.031.032.449
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	(5.042.772.889)	(5.042.772.889)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	115.843.717.338	244.355.499.960
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.299.276.498	10.299.276.498
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	126.142.993.836	254.654.776.458

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 3003/2022/NQ-ĐHCD ngày 30 tháng 3 năm 2022, Công ty đã thông qua phương án trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng số tiền 5.042.772.889 Đồng từ nguồn LSNT chưa phân phối đến cuối năm 2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC
TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

5.9 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(a) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

(i) Nhà đầu tư ủy thác trong nước

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Cổ phiếu niêm yết	610.609.959.065	589.537.965.289
Cổ phiếu niêm yết bị suy giảm giá trị	261.778.119.825	505.540.611.141
- VNM	74.128.259.925	-
- TCB	44.661.630.300	-
- VPB	37.091.735.200	61.339.162.072
- POW	32.618.096.000	-
- PVP	11.646.700.000	39.515.541.433
- DPR	7.559.578.400	19.345.362.154
- HPG	-	72.017.016.261
- Các loại mã chứng khoán khác	54.072.120.000	313.323.529.221
Cổ phiếu không suy giảm giá trị	348.831.839.240	83.997.354.148
Cổ phiếu chưa niêm yết	50.476.459.122	43.741.293.544
Cổ phiếu chưa niêm yết bị suy giảm giá trị		
- QTP	10.731.903.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết không bị suy giảm giá trị	39.744.556.122	43.741.293.544
Chứng chỉ quỹ niêm yết	157.311.905.942	303.554.448.352
Chứng chỉ quỹ bị suy giảm giá trị	48.311.905.942	194.554.448.352
- FUSSVFL	25.096.453.712	46.665.295.151
- FUSSV50	12.326.747.202	21.536.445.836
- FUSSV30	10.888.705.028	20.059.313.292
- FUEVN100	-	42.526.152.280
- FUEMAV30	-	31.487.828.219
- FUEVFNVD	-	22.030.521.400
- Chứng chỉ quỹ khác	-	10.248.892.174
Chứng chỉ quỹ niêm yết không bị suy giảm giá trị	109.000.000.000	109.000.000.000
Chứng chỉ quỹ không niêm yết	108.285.560.054	239.130.093.103
Trái phiếu niêm yết	658.557.895.930	433.212.086.266
Các trái phiếu bị suy giảm giá trị		
- TNG122017	5.090.200.000	5.090.200.000
Trái phiếu niêm yết không bị suy giảm giá trị	653.467.695.930	428.121.886.266
Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đăng ký giao dịch tại VSDC	639.781.846.924	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC
TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

5.9 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

(a) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (tiếp theo)

(i) Nhà đầu tư ủy thác trong nước (tiếp theo)

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Trái phiếu không niêm yết (*)	1.389.934.946.248	3.976.880.406.495
Chứng chỉ tiền gửi	2.492.247.926.360	567.821.360.871
Hợp đồng tiền gửi	2.492.220.300.000	626.969.178.084
Tổng giá trị danh mục	8.599.426.799.645	6.780.846.832.004

(*) Chi tiết số dư danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết có rủi ro của các nhà đầu tư ủy thác trong nước như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết	7.508.607.494	287.296.500.343

Các nhà đầu tư ủy thác có các mô hình định giá khác nhau và giá trị hợp lý của các trái phiếu này theo các mô hình định giá đó có thể khác nhau.

(ii) Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Cổ phiếu không niêm yết	2.397.851.435	2.996.214.035

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC
TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

5.9 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

(b) Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	<u>Tại ngày</u>	
	<u>31.12.2023</u>	<u>31.12.2022</u>
	VND	VND (Trình bày lại)
Phải thu lãi tiền gửi, lãi từ chứng khoán kinh doanh (*)	345.884.903.766	225.468.847.269
Phải thu bán chứng khoán	56.289.630.404	7.703.630.680
Phải thu cổ tức	2.421.650.000	1.378.899.000
Phải thu khác, tài sản khác	1.906.543.964	65.068.492
	<u>406.502.728.134</u>	<u>234.616.445.441</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản phải thu bao gồm lãi hợp đồng tiền gửi với số tiền là 4.863.287.671 Đồng đã được ghi có vào tài khoản trung gian của Công ty tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (ngân hàng lưu ký) vào ngày 30 tháng 12 năm 2023. Số tiền lãi trên đã được phân bổ đến tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư vào ngày 3 tháng 1 năm 2024.

(c) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	<u>Tại ngày</u>	
	<u>31.12.2023</u>	<u>31.12.2022</u>
	VND	VND
Phải trả phí quản lý danh mục	13.410.996.878	11.119.939.026
Phải trả tiền mua chứng khoán	5.821.500.000	6.813.950.000
Phải trả phí khác	3.087.757.542	194.174.190
	<u>22.320.254.420</u>	<u>18.128.063.216</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC
TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

5.10 DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục	23.457.689.203	23.008.245.243
- Bên thứ ba	7.405.621.931	16.293.764.800
- Các bên liên quan (Thuyết minh 7(a))	16.052.067.272	6.714.480.443
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh 7(a))	8.514.191.474	3.454.682.593
Phí phát hành chứng chỉ quỹ (Thuyết minh 7(a))	1.728.000.000	2.006.000.000
	<u>33.699.880.677</u>	<u>28.468.927.836</u>

5.11 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	16.370.668.803	7.790.787.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	798.094.190	1.632.844.032
Chi phí môi giới phát hành chứng chỉ quỹ	954.321.000	650.000.000
Các chi phí khác	1.487.316.874	1.782.530.470
	<u>19.610.400.867</u>	<u>11.856.162.376</u>

5.12 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi trái phiếu	1.196.471.492	-
Lãi tiền gửi	132.193.662	946.505.807
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	11.200.000.000
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	291.639.625	566.091.695
	<u>1.620.304.779</u>	<u>12.712.597.502</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC
TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

5.13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lỗ từ bán chứng khoán kinh doanh	-	969.934.317
Hoàn nhập/(dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh	(413.700.000)	413.700.000
	<u>(413.700.000)</u>	<u>1.383.634.317</u>

5.14 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	2.235.932.619	2.246.978.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.056.386	14.097.348
Khác	727.203.135	636.880.633
	<u>3.252.192.140</u>	<u>2.897.956.392</u>

5.15 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.889.095.623	25.043.765.562
Thuế tính ở thuế suất 20%	2.577.819.125	5.008.753.113
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	12.000.000	3.980.000
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>2.589.819.125</u>	<u>5.012.733.113</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	2.589.819.125	5.012.733.113
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	<u>2.589.819.125</u>	<u>5.012.733.113</u>

(*) Chi phí thuế TNDN trong năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung, các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Phần lớn các khoản tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, đầu tư trái phiếu, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định.

(ii) Rủi ro giá

Rủi ro giá là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng chỉ quỹ niêm yết mà giá trị của chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro biến động của giá thị trường trong tương lai. Công ty không chịu rủi ro về giá hàng hóa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu giá chứng khoán niêm yết (chứng chỉ quỹ niêm yết) tăng/giảm 10%, trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 4.012.500.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.100.000.000 Đồng).

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu và các khoản phải thu.

Người đại diện theo pháp luật theo dõi rủi ro mất khả năng chi trả của khách hàng và các đối tác khác, bao gồm cá nhân và tổ chức, và kết hợp thông tin này với việc quản lý rủi ro tín dụng. Công ty có chính sách là chỉ giao dịch với các đối tác tin cậy.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán riêng và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(i) Số dư với tổ chức tín dụng

Số dư với tổ chức tín dụng (ngân hàng và công ty tài chính) bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Người đại diện theo pháp luật tín nhiệm. Số dư với các tổ chức tín dụng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Người đại diện theo pháp luật. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến số dư với các tổ chức tín dụng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với các tổ chức tín dụng nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) Trái phiếu

Trái phiếu thuộc danh mục đầu tư tài chính của Công ty là các trái phiếu được phát hành bởi tổ chức có phương án phát hành được phê duyệt bởi UBCKNN. Các đề xuất đầu tư vào các trái phiếu này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty.

Danh mục đầu tư vào trái phiếu được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn và báo cáo định kỳ cho Người đại diện theo pháp luật. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các trái phiếu của Công ty là thấp.

(iii) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác với tiền là 70.000.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 94.000.000 Đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch sòng phẳng ngang giá tại ngày định giá.

Đối với các khoản đầu tư tài chính, giá trị hợp lý đã được trình bày ở Thuyết minh 5.2. Ngoài ra, giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt do nắm giữ 99,84% vốn cổ phần của Công ty.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Finsight	Công ty con
Công ty Cổ phần Camellia Wealth	Công ty con
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2	Quỹ do Công ty quản lý
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3	Quỹ do Công ty quản lý
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 4	Quỹ do Công ty quản lý
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 5	Quỹ do Công ty quản lý
Ban lãnh đạo	Thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc của Công ty mẹ tối hậu và các bên liên quan của các thành viên này.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính bao gồm:

	2023	2022
	VND	VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục (Thuyết minh 5.10)		
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt	6.299.418.135	4.177.446.840
Công ty Cổ phần Finsight	9.752.649.137	2.537.033.603
	<u>16.052.067.272</u>	<u>6.714.480.443</u>
Phí phát hành chứng chỉ quỹ (Thuyết minh 5.10)		
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 4	-	2.006.000.000
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 5	1.728.000.000	-
	<u>1.728.000.000</u>	<u>2.006.000.000</u>
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh 5.10)		
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2	-	375.553.294
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3	2.604.752.486	2.109.469.681
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 4	5.617.056.223	969.659.618
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 5	292.382.765	-
	<u>8.514.191.474</u>	<u>3.454.682.593</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<i>Phí lưu ký và phí giao dịch chứng khoán</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	25.093.251	43.727.609
<i>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.466.200.000	1.333.200.000
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>		
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	-	11.200.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	291.639.625	-
<i>Mua tài sản tài chính</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	-	20.700.000.000
Công ty Cổ phần Finsight	20.463.287.671	-
<i>Bán tài sản tài chính</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	29.663.235.184	-
Công ty Cổ phần Finsight	20.685.000.000	20.700.000.000
	50.348.235.184	20.700.000.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
Phải thu hoạt động nghiệp vụ (Thuyết minh 5.3)		
Công ty Cổ phần Finsight	3.612.992.557	-
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3	475.470.100	-
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 4	3.434.331.680	-
	7.522.794.337	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	2023 VND	2022 VND
Dưới 1 năm	525.578.900	630.694.680
Từ 1 đến 5 năm	-	525.578.900
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>525.578.900</u>	<u>1.156.273.580</u>

9 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số khoản mục của các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng đã được trình bày lại để phù hợp với mục đích trình bày của năm nay.

10 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính riêng cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được Người đại diện theo pháp luật phê chuẩn để phát hành vào ngày 26 tháng 3 năm 2024.



Đặng Trần Duy Khanh
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng




Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính và Kế toán
(Công ty mẹ)
Chữ ký được ủy quyền